**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG   
CỦA TỔ CHỨC CON NUÔI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

***REPORT ON THE OPERATION***

***OF FOREIGN ADOPTION SERVICE PROVIDER IN VIETNAM***

Kính gửi: Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp

*To: Department of Adoption, Ministry of Justice*

**Giai đoạn báo cáo(**1**)**/*Period of report:*

□ Báo cáo 6 tháng đầu năm *(The first 6-month report):*

Từ ngày......... tháng........ năm...... đến ngày......... tháng........ năm........

*From day....... month....... year......... to day....... month....... year*.........*.......*

□ Báo cáo năm *(Annual report)*

Từ ngày......... tháng........ năm...... đến ngày......... tháng........ năm........

*From day....... month....... year.......... to day....... month....... year*.............

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Thông tin cơ bản về tổ chức con nuôi nước ngoài**  *I. Basic information on Foreign Adoption Service Provider* | |
| Tên Tổ chức con nuôi nước ngoài  *Name of the Foreign Adoption Service Provider* | .............................................................................  ............................................................................. |

() *Đối với Báo cáo 6 tháng đầu năm:* kỳ báo cáo thống kê 6 tháng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm. Báo cáo gồm số liệu thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6. Văn phòng con nuôi nước ngoài nộp báo cáo cho Cục Con nuôi trước ngày 15/7.

*For the first 6-month report: The reporting period starts from 1 January to 30 June each year. The report includes actual statistics from January 1 to 30 June. The Foreign Adoption Office submits the report to the Department of Adoption before 15 July.*

*Đối với báo cáo 1 năm:* kỳ báo cáo thống kê năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo năm gồm số liệu thực tế từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm. Văn phòng con nuôi nước ngoài nộp báo cáo cho Cục Con nuôi trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

*For annual report: The reporting period starts from 1 January to 31 December each year. Annual report includes actual statistics from 1 January to 31 December every year. The Foreign Adoption Office submits the report to the Department of Adoption before 15 January of the next year.*

|  |  |
| --- | --- |
| Người đứng đầu Văn phòng tại Việt Nam  *Head of* *the Foreign Adoption Office in Vietnam* | ............................................................................. |
| Thời hạn giấy phép hoạt động của tổ chức tại Việt Nam  *The license of the Foreign Adoption Service Provider in Vietnam is valid* | *From day....... month....... year..........*  *To day........... month........ year.........* |
| Nêu những thay đổi của Văn phòng về nhân sự, địa chỉ, thay đổi khác (nếu có)  *Changes in the personnel, address, and other changes of Foreign Agency office (if any)* | ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ |

**II. Kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài** *(intercountry Adoption result):*

| **STT/***No* | **Các mục báo cáo/*Descriptions*** |
| --- | --- |
| 1 | Số hồ sơ đã nộp tại Cục:.........................................................................  *The number of Dossiers filed with the Deparment of Adoption:* |
| 2 | Số hồ sơ đã được giải quyết:...................................................................  *The number of Dossiers completed:* |
| 3 | Số hồ sơ đang giải quyết (*Ước tính sẽ hoàn tất*):....................................  *The number of Dossiers being processed (to be completed):* |
| 4 | Số hồ sơ dừng giải quyết:........................................................................  *The number of Dossiers, the processing of which has been stopped:*  Lý do/*Reason*:......................................................................................... |
| 5 | Nêu địa phương nơi Văn phòng con nuôi nước ngoài hỗ trợ giải quyết việc nuôi con nuôi:..................................................................................  *Which provinces the* *Foreign Adoption Offfice works with/provides support in the field of intercountry adoption?* |
| 6 | Nêu khó khăn gặp phải trong quá trình hỗ trợ giải quyết việc nuôi con nuôi (nếu có)/*What difficulties the* *Intercountry Adoption Agency faces with during the intercountry adoption process (if any)*  ................................................................................................................  ................................................................................................................  ................................................................................................................ |

**III. Kết quả đôn đốc nộp báo cáo tình hình phát triển của trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi ở nước ngoài** *(Results of urging adoptive parents to send reports on the development of adoptive Vietnamese children in intercoutry adoption):*

|  |  |
| --- | --- |
| **STT/No.** | **Các mục báo cáo/*Descriptions*** |
| 1 | Tổng số báo cáo đã nộp tại Cục bao gồm/*Total of reports submitted to the Department of Adoption, including*: |
|  | Báo cáo số 1: HS số:..............................................................................  *Report No.1: Dossier reference number:...............................................*  Báo cáo số 2: HS số:..............................................................................  *Report No.2: Dossier reference number:..............................................*.  Báo cáo số 3: HS số:...............................................................................  *Report No.3: Dossier reference number:..............................................*.  Báo cáo số 4: HS số:...............................................................................  *Report No.4: Dossier reference number:..............................................*.  Báo cáo số 5: HS số:...............................................................................  *Report No.5: Dossier reference number:..............................................*.  Báo cáo số 6: HS số:...............................................................................  *Report No.6: Dossier reference number:..............................................*. |
| 2 | Đánh giá về kết quả báo cáo tình hình phát triển của con nuôi (báo cáo đúng hạn, chậm...., nêu lý do)/*assessment on the reporting results of the development of adoptive children (report submitted due course or late, etc, and the reason thereof):.......................................................*....  ................................................................................................................ |
| 3 | Đánh giá chung về tình hình phát triển của con nuôi (thuận lợi và khó khăn):  *General assessment of the development of adopted children (advantages and disadvantages):*...........................................................  ................................................................................................................  ................................................................................................................ |

**IV. Tình hình thu, chi tài chính/*Financial revenue and expenditure***

(Không bao gồm các khoản nêu ở điểm V dưới đây)/*Not including the items specified in section V below:*

Đơn vị tính/*Currency*: Việt Nam đồng*/Vietnam Dong*

Tổng thu do Tổ chức con nuôi nước ngoài chuyển/*Total receivables transferred by the Foreign Adoption Service Provider:................*.....................................................

Tổng chi tại Việt Nam/*Payables in Vietnam*:..............................................................

Cụ thể/*In particular*:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chi/***Expenses* | **Tổng số/***Total* |
| **Lệ phí/***Fee* (9.000.000 VNĐ/trường hợp)/ *VND 9,000,000/case* | .......................................................... |
| **Chi phí** giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (50.000.000 VNĐ/trường hợp giới thiệu)/*Expense for intercountry adoption processing VND 50,000,000/case* | ..........................................................  .......................................................... |
| **Tổng chi phí hoạt động của Văn phòng gồm:**  - Lương/*Salary*:  - Thuê trụ sở/*Head Office rental*:  - Công tác/*Expenses for business trip*:  - Chi phí hành chính khác/*Other Administrative expenses*: | .......................................................... |
| .......................................................... |
| .......................................................... |
| .......................................................... |
| .......................................................... |
| **Chi phí hoàn tất thủ tục gồm:** (*chi phí x số các trường hợp đã hoàn thành*)/ *Expenses for completion (in total), include:*  Hộ chiếu/*Passport*:  Visa/*Visa*:  Dịch thuật hồ sơ, giấy tờ, tài liệu/*Translation of documents*:  Các chi phí khác/*Other expenses*: | .......................................................... |
| ..........................................................  ..........................................................  ..........................................................  .......................................................... |

**V. Kết quả hỗ trợ, chăm sóc bảo vệ trẻ em, nếu có** (*Results of support and care for children, if any):*

*Đơn vị tính/Currency: Việt Nam đồng/Vietnam Dong*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT/No.** | **Các mục báo cáo/*Descriptions*** | **Tổng số hỗ trợ/ *Amount*** | | **Đơn vị thụ hưởng/ *Beneficiary*** |
| Tiền/  *In cash* | Hiện vật (tính thành tiền)/*In kinds (equivalent to cash)* |  |
| 1 | Hỗ trợ sau khi nhận con nuôi của cha mẹ nuôi nước ngoài/*Post-adoption donations by adoptive parents* |  |  |  |
| 2 | Hỗ trợ của Tổ chức/*Donations from the Foreign Adoption Service Provider* |  |  |  |
| 3. | Hỗ trợ cộng đồng (nếu có) thông qua Sở Lao động, thương binh và xã hội *(Support for the communities through Department of Labor, Invalids and Social Affairs (if any))* |  |  |  |

**VI. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)/*suggestion or recommendation (if any):***

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **Người đứng đầu Tổ chức con nuôi nước ngoài/***Head of the Foreign Adoption Service Provider*  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (Signed and Sealed)* | *Làm tại..........., ngày... tháng... năm....*  *Done at.........., day....... month...... year*  **Người đứng đầu Văn phòng**  *Head of Foreign Adoption Office*  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*  *(Signed and Sealed)* |